

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo Hiến Pháp năm 2013: "Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm..."¹. Trong quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm cụ thể là quyền tình dục là những quyền con người được thừa nhận trong pháp luật quốc gia và Tổ chức Y tế thế giới (WHO). Trong đó, trẻ em là người mà nhận thức về hành vi còn chưa hoàn thiện nên cần được quan tâm. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề xâm hại tình dục trẻ em đang đáng báo động, thể hiện với những con số về xâm hại tình dục trẻ em ngày càng gia tăng.

Theo thống kê của các cơ quan chức năng thì tình hình tội phạm xâm hại tình dục trẻ em trên địa bàn Quận Thủ Đức hằng năm đều tăng cao. Với tính chất đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm tới danh dự, nhân phẩm và sức khỏe của trẻ em của các tội xâm phạm tình dục trẻ em và mức độ, diễn biến ngày càng phức tạp của các loại tội phạm này trên phạm vi toàn quốc nói chung cũng như trên phạm vi Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng trong việc phát hiện điều tra, truy tố và xét xử người phạm tội. Theo số liệu thống kê trong khoảng thời gian sáu năm từ năm 2013 đến tháng 6 năm 2017, tổng số các vụ án xâm phạm tình dục trên địa bàn Quận Thủ Đức là 50 vụ/60 bị cáo bị đưa ra xét xử.

Công tác đấu tranh phòng chống tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh chưa đảm bảo được an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo kế hoạch phòng chống tội phạm được phê duyệt, việc đấu tranh với loại tội phạm xảy ra trên địa bàn Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cũng có những điểm đặc thù, còn tồn tại những thiếu sót, hạn chế như việc tiến hành các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, các biện pháp nghiệp

¹ Điều 20 Hiến Pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

vụ của các ngành và sự phối hợp giữa các đơn vị có liên quan chưa phát huy hiệu quả. Nhiều quy định thủ tục ràng buộc trong điều tra chưa có biện pháp tháo gỡ. Do đó, trước đòi hỏi cấp bách của công tác phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay nói chung và tội phạm xâm hại tình dục trẻ em nói riêng ở Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh đặt ra cho chính quyền Quận Thủ Đức, các đơn vị liên quan một trách nhiệm nặng nề đối với nhân dân địa phương.

Vì lí do đó, học viên lựa chọn và nghiên cứu đề tài “Các tội xâm hại tình dục trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh”.

2. Tình hình nghiên cứu.

2.1 Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Đây là đề tài mà địa bàn nghiên cứu là Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh của Việt Nam, cho nên chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào về đề tài này được tiến hành nghiên cứu ở nước ngoài .

2.2 Tình hình nghiên cứu trong nước: Vấn đề xâm hại tình dục trẻ em trong những năm vừa qua đã được nhiều cuộc hội thảo và nhiều công trình nghiên cứu dưới các góc độ khác nhau, trên các địa bàn cụ thể khác nhau. Trong đó còn có một số công trình nghiên cứu về tội phạm trong lĩnh vực này ở Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh... Tuy nhiên, vấn đề phòng, chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em trên địa bàn Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thì chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập một cách trực tiếp.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.

3.1 Mục đích nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm hại tình dục trẻ em và thực tiễn áp dụng tại quận Thủ Đức, thành phố HCM, luận văn đề xuất hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội xâm hại tình dục trẻ em và một số giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng trong thực tiễn

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Theo các số liệu của các ngành liên quan thì các tội xâm hại tình dục trẻ em trong khoản thời gian từ năm 2013 -2017 trên địa bàn Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng tăng, cùng với việc xem xét nghiên cứu từ các bản án của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, tác giả nghiên cứu với mục đích xây dựng quy trình đấu tranh phòng chống các tội xâm hại tình dục trẻ em trong tình hình hiện nay.

- Phân tích nội dung các điều luật cụ thể trong Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về các tội xâm hại tình dục trẻ em.

- Đánh giá ưu khuyết điểm và tìm ra nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trong công tác phòng, chống và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em ở Quận Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu các nhóm tội xâm hại tình dục trẻ em như hiếp dâm trẻ em, giao cấu trẻ em, cưỡng dâm trẻ em, dâm ô trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam. Luận văn nghiên cứu các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam và quốc tế cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các tội này tại Quận Thủ Đức, thành phố HCM để làm rõ đối tượng nghiên cứu của đề tài.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Là luận văn nghiên cứu chuyên ngành về luật hình sự và tố tụng hình sự.

Địa bàn nghiên cứu Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nghiên cứu số liệu từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 12 năm 2017.

Về nội dung thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, luận văn chỉ đề cập thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu luận văn

Căn cứ theo các nguyên tắc và các cặp phạm trù triết học, tác giả vận dụng các phương pháp lý luận của chủ nghĩa Mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đó tác giả hệ thống các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em giúp định hướng cho việc nghiên cứu đề tài của tác giả. Theo đó lựa chọn một số phương pháp nghiên cứu đặc thù như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê lựa chọn điển hình, phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp so sánh đối chiếu để giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra từ đề tài của Luận văn

Học viên tham dự các buổi tọa đàm, trao đổi với các cán bộ lãnh đạo và cán bộ trực tiếp tham gia phòng ngừa loại tội phạm này và tham khảo ý kiến chuyên gia.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Nghiên cứu luận văn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác phòng chống xâm hại tình dục trẻ em về khía cạnh phạm trù lý luận và phạm trù thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm này.

Thông qua việc nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ thực trạng phòng ngừa tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, đánh giá những hạn chế, tồn tại, rút ra những nguyên nhân của hạn chế, tồn tại để giúp cho việc thực hiện phòng ngừa tội phạm xâm hại tình dục trẻ em trở nên chuyên nghiệp, tránh được những sai lầm, khắc phục được những hạn chế trước đây. Đồng thời nội dung nghiên cứu là các chỉ dẫn cụ thể để vận dụng trong thực tiễn đối với cơ quan, gia đình, cộng đồng và nhà trường.

Đưa ra các giải pháp cụ thể khác nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại, có thể vận dụng trong thực tiễn công tác phòng ngừa loại tội phạm này.

7. Cơ cấu của luận văn

Luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Nội dung phần lý luận chung về các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về các tội xâm hại tình dục trẻ em.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm hại tình dục trẻ em tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về các tội xâm hại tình dục trẻ em

Kết luận.

Danh mục tài liệu tham khảo.

Chương 1

NỘI DUNG PHÂN LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 SỬA ĐỔI BỔ SUNG NĂM 2017 VỀ CÁC TỘI XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM

1.1. Quan điểm và đặc trưng của các tội xâm hại tình dục trẻ em.

Khái niệm “Trẻ em” ở mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới là không giống nhau; do ảnh hưởng từ các yếu tố địa lý, ngôn ngữ, văn hóa, thể chế nhà nước, hệ thống pháp luật...khác nhau, nên mỗi quốc gia đều có những quy định, định nghĩa, khái niệm khác nhau. Từ điển tiếng Việt không đưa ra định nghĩa về “Trẻ em” mà chỉ mô tả chung, không rõ ràng cụ thể, trẻ em là “Trẻ nhỏ nói chung”, trong Từ điển bách khoa toàn thư Wikipedia định nghĩa trẻ em là một con người ở giữa giai đoạn từ khi sinh ra và sống đến tuổi dậy thì.

Luật trẻ em Việt Nam chỉ căn cứ vào độ tuổi và đưa ra quy định: “Trẻ em là người dưới mười sáu tuổi”.

Quyền trẻ em cũng được thể chế hóa trong nhiều bộ luật và các luật, mà tập trung là ở Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và trong Hiến pháp năm 2013. Đặc biệt, các quyền trẻ em được quy định trực tiếp tại khoản 1, Luật Trẻ em được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2016.

Trong các quy định của Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ có thay đổi, bổ sung nội dung khác nhau, tuy nhiên, các quyền lợi có tác động, chi phối đến đối tượng là trẻ em đều được Quốc hội cân nhắc, xem xét để phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ phát triển của đất nước.

Theo đó, trong Hiến pháp năm 2013, quyền trẻ em được quy định: “Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em”². “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được

² Khoản 2 Điều 36 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em.”³

Trẻ em là người đang ở trong giai đoạn đầu phát triển, trong giai đoạn học tập, tiếp thu kiến thức nên khả năng xử lý các sự việc phát sinh trong cuộc sống còn chưa chuẩn mực, do vậy pháp luật quy định họ không phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng. Tùy thuộc vào các mối quan hệ pháp luật mà trẻ em tham gia, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của trẻ em được hạn chế và pháp luật Việt Nam luôn bảo vệ quyền trẻ em trước mọi hành vi xâm hại.

1.1.1. Định nghĩa tội phạm

Theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bộ luật này có chức năng bảo vệ thể chế chính trị quốc gia, các quyền cơ bản của công dân, dân tộc, các hành vi vi phạm điều luật này đều bị nhà nước chế tài xử lý nhằm bảo vệ trật tự kỷ cương của xã hội.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, khái niệm tội phạm được Bộ luật Hình sự sửa đổi như sau: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.”⁴

³ Điều 37 Hiến pháp 2013.

⁴ Điều 8 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Đối với độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Bộ luật hình sự quy định “Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác..”⁵

1.1.2. Khái niệm tội xâm hại tình dục con người.

Từ khi xuất hiện nhà nước và pháp luật, đời sống xã hội luôn luôn được điều hành và quản lý bằng pháp luật. Trong nhà nước pháp quyền, pháp luật là tối thượng, con người sống và hoạt động theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, con người được pháp luật bảo vệ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bảo vệ quyền con người là chức năng cơ bản của nhà nước và pháp luật, phản ánh tính nhân văn của nhà nước pháp quyền trong xã hội hiện đại. Để bảo vệ quyền này luật quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.”⁶ “Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi nguy hiểm cho con người được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý.”⁷

Để đảm bảo và thực hiện các quyền con người, quyền công dân cơ bản được Hiến pháp thừa nhận và bảo hộ, để cụ thể hóa quyền này tại Chương XIV Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người của Bộ luật Hình sự sửa đổi 2017 từ Điều 123 đến Điều 156. Đây là cơ sở quan trọng để các cơ quan nhà nước và toàn xã hội bảo vệ tốt các quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Các tội phạm được quy định bằng các nội dung cụ thể, rõ ràng dễ nhận biết, phân các chế tài hình phạt tương ứng với từng hành vi

⁵ Điều 12 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

⁶ Điều 20 Hiến pháp năm 2013.

⁷ Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung). Tác giả Võ Khánh Vinh (2014), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội

Do sức khỏe tình dục cũng là một loại quyền con người quan trọng nên có thể hiểu tội xâm hại tình dục con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của nạn nhân, xâm phạm đến quyền bảo hộ của nhà nước về sức khỏe tình dục và quyền được tôn trọng về nhân phẩm, danh dự của mỗi con người, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, quốc tịch, người có tình trạng khuyết tật.

1.1.3. Định nghĩa tội phạm xâm phạm tình dục

Xâm hại tình dục trẻ em là hành vi liên quan đến tình dục, theo đó, một người trưởng thành hoặc một nhóm người dùng các thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc hay cưỡng ép, đe dọa trẻ em nhằm thoả mãn nhu cầu tình dục. Xâm hại tình dục trẻ em có thể xảy ra ở bất kì ở đâu, không phụ thuộc vào quốc gia, nền văn hóa, chủng tộc, tôn giáo, thể chế nào.

Hành vi xâm hại tình dục đối với trẻ không chỉ gây tổn thương và những hậu quả nặng nề về cơ thể mà còn có thể ảnh hưởng tinh thần đến các trẻ em. “Những hậu quả lâu dài của xâm hại tình dục ở trẻ em biểu hiện từ nhẹ cho đến những rối loạn rất nặng nề không chỉ liên quan đến sức khỏe sinh sản mà còn liên quan đến khả năng học tập, vui chơi, khả năng hòa nhập gia đình và xã hội cũng như đối với sức khỏe tâm thần của trẻ.”⁸ Hành vi đặc trưng chính yếu của xâm hại tình dục trẻ em có thể thay đổi từ việc sờ, bóp bộ phận sinh dục của trẻ, thủ dâm, tiếp xúc miệng với bộ phận sinh dục (khẩu dâm), giao hợp bằng ngón tay, ngón chân và cao hơn là giao hợp qua đường sinh dục hoặc hậu môn bằng dương vật hoặc các công cụ giả. Các tội phạm xâm hại tình dục ở trẻ em thì ngoài các hành vi đụng chạm trực tiếp thì còn bao gồm cả nhưng hành vi không đụng chạm như phô diễn hình ảnh ấu dâm, hình ảnh quan hệ tình dục, rình xem trẻ em trong nhà vệ sinh.

⁸https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1m_d%E1%BB%A5ng_t%C3%ACnh_d%E1%BB%A5c_tr%E1%BA%BB_emvi.wikipedia.org, “Lạm dụng tình dục trẻ em”, 7/7/2018

Kẻ phạm tội có nhiều thủ đoạn, phương pháp, mục đích thực hiện tội phạm, tuy nhiên có thể hiểu tội xâm hại tình dục trẻ em bao gồm lạm dụng tình dục trẻ em và bóc lột tình dục trẻ em:

Lạm dụng tình dục trẻ em là sử dụng trẻ em để thỏa mãn nhu cầu tình dục của một người hoặc một nhóm người trưởng thành, không nhằm mục đích vì lợi ích vật chất. Lạm dụng tình dục trẻ em trong thực tiễn phong phú, đa dạng về các hành vi phạm tội, có thể chia ra làm hai dạng là dạng thông thường và dạng phi thông thường.

Bóc lột tình dục trẻ em là các trường hợp người đã thành niên lợi dụng trẻ em nhằm đạt được các mục đích đê hèn trong đó có gắn liền với các thỏa thuận trao đổi về kinh tế. Bóc lột tình dục trẻ em phổ biến ở các dạng mại dâm trẻ em, mua bán trẻ em nhằm mục đích mại dâm, khiêu dâm, sử dụng hình ảnh khiêu dâm của trẻ em làm mục đích kinh doanh, do đó trẻ em dễ bị tổn hại về tinh thần và thể chất, ảnh hưởng đến quá trình phát triển toàn diện nếu trẻ bị xâm hại tình dục, không những thế mà những tác động này còn ảnh hưởng lâu dài, trở thành nỗi ám ảnh trong tuổi thơ của trẻ đến khi trưởng thành.

Trẻ em cần được chăm sóc đặc biệt hơn khi bị rơi vào những hoàn cảnh đó, không chỉ xuất phát từ quan điểm bảo vệ trẻ em là bảo vệ tương lai của đất nước, bảo vệ những người kế tục giống nòi, bảo vệ những người không có khả năng tự vệ nên có thể nói phạm tội đối với trẻ em nói chung và phạm tội tình dục trẻ em luôn luôn là hành vi phạm tội nghiêm trọng. Xâm hại tình dục trẻ em do hành vi người thành niên sử dụng quyền lực và sức mạnh, có thể là tiền bạc, vật chất, lợi dụng sự non nớt, ngây thơ, lòng tin và sự tôn trọng của trẻ em để ép buộc các em tham gia vào hành vi tình dục.⁹ Xâm hại là tất cả các thái độ, hành vi tổn thương đến sự tự trọng của trẻ em, làm hại thân thể, sức khỏe và tâm lý của trẻ qua hành động mắng chửi, xỉ nhục, dùng vũ lực, đánh đập để

⁹ UNICEF “Kỹ năng sống”.

trừng phạt, đe dọa gây sức ép, cho vật chất dụ dỗ...các hành vi xâm hại đó có thể xảy ra trong gia đình, nhà trường và nơi công cộng.

Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra khái niệm như sau: “Xâm hại tình dục trẻ em là việc người phạm tội dùng các thủ đoạn để trẻ em tham gia vào hoạt động có liên quan đến tình dục”.

Các tội xâm hại tình dục trẻ em được quy định trong năm điều luật, do hành vi và hậu quả của chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nên các loại hành vi này được các nhà làm luật sắp xếp vào cùng một nhóm luật về xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của con người. Từ khái niệm trên có thể thấy tội xâm hại tình dục trẻ em có đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm, đó là:

Tính nguy hiểm cho xã hội, Tính có lỗi, Tính trái pháp luật hình sự, Tính chịu hình phạt.

Dấu hiệu pháp lý của tội phạm được thể hiện qua 4 yếu tố cấu thành tội phạm đó là: Khách thể của tội phạm; Mặt khách quan của tội phạm; Chủ thể của tội phạm; Mặt chủ quan của tội phạm;¹⁰

Thứ nhất, khách thể của các tội xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi, được thể hiện ngay trong tên gọi của Chương XIV đó là: xâm phạm đến quyền sống, quyền được bảo hộ về sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Đối tượng tác động của các tội phạm này là con người cụ thể.¹¹

Theo đó, con người phải là một cơ thể còn sống và có thời điểm tính từ khi sinh ra cho đến khi chết. Điều này để nhằm phân biệt các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người với một số tội phạm cũng có những hành vi phạm tội tương tự nhưng tác động tới đối tượng không phải là con người (người đã chết...). Sức khỏe của của người dưới 16 tuổi là tình

¹⁰ Giáo trình Luật hình sự - Phần chung, Đại học Luật Hồ Chí Minh, Tác giả: Trần Thị Quang Vinh.

¹¹ <https://luatminhkhue.vn/tu-van-luat-hinh-su/doi-tuong-tac-dong-cua-toi-pham-phan-biet-voi-khach-the-cua-toi-pham-.aspx>, “Đối tượng tác động của tội phạm ? Phân biệt với khách thể của tội phạm ?”, ngày truy cập 8/8/2017.

trạng sức lực của của người dưới 16 tuổi đang sống trong điều kiện bình thường, là trạng thái tâm sinh lý, sự hoạt động hài hoà trong cơ thể cả về thần kinh và cơ bắp, tạo nên khả năng chống lại bệnh tật. Hành vi xâm hại tình dục của người dưới 16 tuổi là hành vi dùng tác động hoặc bất kỳ hình thức nào khác làm cho người dưới 16 tuổi lâm vào tình trạng phải cho tội phạm xâm hại hoặc gây ra những tổn thương ở các bộ phận sinh dục trong cơ thể, gây bệnh tật, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người đó.

Hành vi phạm tội xâm hại tình dục của người dưới 16 tuổi còn làm cho người đó bị xúc phạm, bị coi thường, bị khinh rẻ trong gia đình, tập thể, trong xã hội tùy thuộc vào vị thế, vai trò và nhiệm vụ, tuổi tác của người đó và mức độ của hành vi phạm tội.

Thứ hai, mặt khách quan của các tội xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của của người dưới 16 tuổi thể hiện ở những hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành động hoặc không hành động) xâm phạm trực tiếp tới sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của trẻ em.¹² Đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của trẻ em thường được thể hiện bằng lời nói, cử chỉ, hành vi, hành động phát tán hình ảnh liên quan tới tình dục... xâm phạm tới uy tín, danh dự, nhân phẩm của của người dưới 16 tuổi.

Mặt khách quan của tội phạm còn thể hiện ở những thiệt hại về thể chất; thiệt hại về sức khỏe; cách ly của người dưới 16 tuổi khỏi sự quản lý của gia đình hoặc người thân; lây truyền các bệnh xã hội nguy hiểm, gây bất an cho xã hội. Phần lớn các tội phạm thuộc Chương XIV Bộ luật hình sự đều có cấu thành vật chất, tức là hậu quả là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm.

Thứ ba, mặt chủ quan của các tội xâm hại tình dục của người dưới 16 tuổi.

¹² Giáo trình Luật hình sự - Phần chung, Đại học Luật Hồ Chí Minh, Tác giả: Trần Thị Quang Vinh.

Động cơ của người phạm tội: xuất phát điểm từ trong bản chất bên trong con người phạm tội, của mỗi cá nhân con người phạm tội trong từng thời gian, không gian cụ thể và dẫn đến thực hiện hành vi

Mục đích phạm tội: đạt được hành vi dâm ô hay không dâm ô

Thứ tư, về chủ thể của các tội xâm hại tình dục của người dưới 16 tuổi.

Theo nguyên tắc chung, Bộ luật hình sự quy định dấu hiệu chung của chủ thể của tội phạm trong Phần chung của Bộ luật. Luật hình sự Việt Nam từ trước đến nay đều thống nhất coi chủ thể của tội hiếp dâm (tội hiếp dâm của người dưới 16 tuổi), tội cưỡng dâm (tội cưỡng dâm của người dưới 16 tuổi) là nam giới. Người thực hiện hành vi được quy định trong cấu thành tội phạm của các tội này là nam giới, nữ giới chỉ có thể là đồng phạm các tội này với vai trò là người tổ chức, xúi giục hay giúp sức.

Các ý kiến thông thường cho thấy trong hành vi quan hệ tình dục bình thường giữa nam và nữ thì chủ yếu do người nam giữ vị trí chủ động và cho rằng nữ giới là phái yếu, và bị ràng buộc về các giá trị đạo đức, tục lệ nên không thể chủ động thực hiện các hành vi của tội dâm ô, cưỡng dâm... các ý kiến này hiện nay không còn đúng về mặt thực tiễn. Phụ nữ vẫn có khả năng lợi dụng các tình huống mà pháp luật quy định để thực hiện các hành vi dâm ô, cưỡng dâm, hiếp dâm đối với nam giới. Do đó BLHS sửa đổi năm 2017 có quy định mới là mở rộng chủ thể “người nào” bao gồm cả nam và nữ.

1.1.4. Một số quan điểm của quốc tế, nhà nước Việt Nam về trẻ em.

Điều 1 công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em ghi nhận như sau: “Trong phạm vi Công ước này, trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn.”¹³

Đây là quy định chung của Liên Hợp quốc về độ tuổi của trẻ em được áp dụng cho tất cả các quốc gia phê chuẩn, độ tuổi quy định của các quốc gia

¹³ Điều 1 Công ước Liên hợp quốc năm 2000.

về trẻ em là khác nhau nhưng không vượt quá mức quy định về định nghĩa trẻ em phải là người dưới mười tám tuổi. Mỗi quốc gia đều có hệ thống pháp luật riêng, những quy tắc xử sự riêng, quy định riêng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội khác nhau nên quy định về độ tuổi của trẻ em là khác nhau.

Hướng dẫn của Liên hợp quốc về phòng ngừa người chưa thành niên hư hỏng (Hướng dẫn Riat) cũng xác định “Trẻ em là người chưa đến mười tám tuổi”. Ngoài các quyền công dân, trẻ em còn được hưởng các đặc quyền riêng biệt về ăn, mặc, học tập, vui chơi, giải trí, không ai được hạn chế các quyền này của trẻ em, không ai được đe dọa, đánh mắng...vì những hành vi đó làm cho trẻ em bị ảnh hưởng có thể dẫn đến sự phát triển không bình thường của họ, những trường hợp vi phạm đều phải bị cộng đồng lên án và đòi hỏi trừng trị nghiêm khắc nhất theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đảng ta về Quyền trẻ em và bảo vệ các quyền trẻ em.

Trong báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định cần bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ em, tạo môi trường để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ; chú trọng bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em gia đình nghèo, trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn; ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em; nhân rộng các mô hình làm tốt việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng.¹⁴

Trong các văn kiện trình Đại hội XII, Đảng ta cũng nhấn mạnh cần coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc, bảo đảm cân bằng tỷ lệ giới tính khi sinh và quyền trẻ em.

Sau khi thống nhất đất nước, các cấp lãnh đạo Đảng, nhà nước, chính phủ đều quan tâm chăm lo cho trẻ em về vật chất và tinh thần, nỗ lực phấn đấu cho mọi trẻ em đều được đến trường, được chăm sóc y tế, được vui chơi trong

¹⁴ Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI

môi trường lành mạnh. Kiên quyết đấu tranh chống lại các loại tội phạm có liên quan đến trẻ em. Nhiều bản án nghiêm khắc, trong đó có cả hình phạt tử hình giành cho người phạm tội xâm hại trẻ em thể hiện quan điểm của các cấp lãnh đạo đảng và Nhà nước ta trong việc đấu tranh không khoan nhượng đối với loại tội phạm xâm hại trẻ em là bài học đắt giá đối với người phạm tội và là hồi chuông cảnh tỉnh, răn đe chung đối với cả tội phạm liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em.

Theo Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013 tại Điều 20 quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.”¹⁵

Như vậy, bên cạnh quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, có thể hiểu là con người nói chung và trẻ em nói riêng có quyền tự do tình dục là một quyền Hiến định.

Bộ luật Lao động được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012; tại khoản 1 điều 3 quy định “Người lao động là người từ đủ mười lăm tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động”, theo cách quy định này thì chúng ta có thể hiểu đối tượng dưới mười lăm tuổi là trẻ em.

Luật Trẻ em được Quốc hội thông qua ngày 5 tháng 6 năm 2016 quy định tại điều 1 trẻ em là người dưới mười sáu tuổi.

Bộ luật Hình sự sửa đổi 2017 tại điều 12 quy định: “Tuổi chịu trách nhiệm hình sự: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.”¹⁶

¹⁵ Điều 20 Hiến pháp năm 2013.

¹⁶ Điều 12 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Ngoài các quy định của luật pháp về Quyền trẻ em và bảo vệ các quyền trẻ em.

Dù ở bất cứ nơi đâu, trẻ em cũng phải có tất cả các quyền của mình, quyền đòi hỏi từ những người lớn, từ cộng đồng sự bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, giúp đỡ. Mọi hành vi xâm phạm đến sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý của trẻ em đều phải bị cộng đồng, xã hội lên án, phải bị trừng trị theo quy định của Bộ luật Hình sự. Như vậy có thể hiểu rằng người dưới mười sáu tuổi là trẻ em, người đã đủ mười sáu tuổi không còn là trẻ em nữa, quan điểm này cũng phù hợp với việc quy định các đối tượng bị hại là trẻ em trong các tội phạm xâm hại tình dục đối với trẻ em.

1.1.5. Quá trình hình thành quy định chống xâm hại tình dục trẻ em

Nội dung chủ yếu của các quy định, hình phạt trong thời kỳ phong kiến: mặc dù chịu ảnh hưởng của rất lớn của nền văn hóa phương đông, tuy nhiên pháp luật Việt Nam thời kỳ này có sự thay đổi nhận thức rất to lớn, tầng lớp vua chúa, quan lại, những người viết luật và duyệt thông qua đã có những nỗ lực xóa bỏ định kiến trong thời kỳ mà các tư tưởng đạo nho, đạo lão đã tồn tại trong đất nước một thời gian dài. Triều đình cũng đã có những bản án và hình phạt trừng trị nghiêm khắc kẻ phạm tội xâm hại trẻ em qua nhiều luật lệ, hương ước, thể hiện tương đối cụ thể nhất là ở hai bộ luật: Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê) và Hoàng Việt luật lệ.

Quốc triều hình luật ghi nhận rõ ràng vào ngày 20 tháng 4 năm Hồng Đức thứ 7 (1476), nhà vua đã ban bố một số lệnh, lệ, ví như: Lệnh về việc ngộ phạm; Lệ về hôn nhân; Lệ về con nuôi...

Trong đó, đáng chú ý ở phần “Không chồng mà chửa”, trong điều 404 chương Thông gian có đoạn chép: “Thông dâm với trẻ nhỏ từ mười hai tuổi trở xuống thì tuy là thuận tình nhưng vẫn xử theo tội cưỡng dâm, tội thông dâm và tội dụ dỗ người khác thông dâm, nam nữ (tức kẻ phạm tội) cùng tội như nhau”. Trong quy định này, triều đình đã chỉ rõ đối tượng phạm tội không phân biệt

nam, nữ. Và dù đứa trẻ nhỏ từ mười hai tuổi trở xuống có đồng tình nghe theo lời dụ dỗ thì kẻ phạm tội cũng không thoát khỏi tội xâm hại tình dục trẻ em.

Rõ ràng triều đình đã định lượng được rằng ở độ tuổi mười hai trở xuống, đứa trẻ chưa ý thức, hiểu biết rõ ràng vấn đề hôn nhân, tình dục, vấn đề nuôi con, vấn đề gia đình, cũng như chưa phát triển đầy đủ về thể chất nên khả năng bị xâm hại rất cao, cần được triều đình và pháp luật bảo vệ. Đối với loại tội hiếp dâm, ngay Điều 403 trước đó đã vạch rõ khung hình phạt: “Hiếp dâm thì xử tội lưu hay tội chết và phải nộp tiền nhiều hơn tiền về tội gian dâm thường một bậc”.

Chương này giới hạn đối tượng bị xâm hại ở đây chỉ là bé gái, bé trai bị bỏ sót trong các quy định của luật. Mặc dù xã hội còn chịu nhiều ảnh hưởng của vấn đề trọng nam khinh nữ, phụ nữ chưa thật sự có vị trí trong xã hội, nhưng do ảnh hưởng các lễ nghi phong kiến, ảnh hưởng từ sự giáo dục của các hoàng hậu phong kiến, nhà vua các triều đại đã dần hình thành các luồng tư tưởng tiến bộ, bên vực phụ nữ, trẻ em gái. Tuy chưa thật nhiều quy định cụ thể, chặt chẽ, nhưng điều luật quy định về tội quan hệ tình dục với trẻ em được hiểu là tội xâm hại tình dục trẻ em đã có. Khung hình phạt cao nhất đối với tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, cũng là hiếp dâm theo như Quốc triều hình luật nói tới, thấp nhất là “tội lưu”, nghĩa là kẻ có tội sẽ bị đày đi nơi xa. Và mức phạt cao nhất là trăm (tử hình).

Không chỉ thế, nếu khi phạm tội này, nghi phạm làm nạn nhân bị thương, sẽ bị xử nặng hơn tội đánh người bị thương một bậc. Còn nếu làm nạn nhân chết, thì điền sản là tài sản của kẻ phạm tội phải trả cho người nhà nạn nhân. Luật đã chỉ rõ cả hành vi phạm tội cũng như mức độ khi phạm tội xâm hại tình dục trẻ em là như vậy. Đây là điều luật được ghi rõ ràng nhất về tội xâm hại tình dục trẻ em trong số 722 điều luật của Quốc triều hình luật.

Điều 7 của Chương Hộ hôn có ghi: “Vuốt ve đứa con, tỏ tình yêu mẹ nó là có ý thông gian thì xử đánh 100 trượng, lưu đày đi châu xa”. Lưu (Đi đày): Có kèm theo trượng đánh bằng gậy. Họ bị lưu đày vĩnh viễn nơi xa,

thường lưu đày về phương nam, nơi có rừng thiên nước độc, cả đời không được trở về quê hương. Như vậy, chỉ hành động “Vuốt ve đứa con” (không quy định rõ giới tính trai hay gái) cũng là hành vi được triều đình ghi nhận là phạm luật khi gián tiếp lợi dụng đứa trẻ để thực hiện mưu đồ thông gian.

Xem Hoàng Việt luật lệ (Bộ Luật Gia Long), ở Chương Phạm gian, ngay Điều 1: Phạm gian, ta đã thấy sự tương đồng này: “Thông gian với con gái dưới mười hai tuổi, tuy thuận tình cũng luận tội cưỡng gian”. Vẫn ở Điều 1 này còn có đoạn ghi rất rõ, rằng: “Con gái dưới mười hai tuổi, chuyện tình chưa nảy nở, vốn không có lòng dâm, lại dễ bị lừa dối dọa nạt. Cho nên tuy hòa gian nhưng cũng luận tội cưỡng gian”. Hòa gian cũng xử thành cưỡng gian.

Xem ghi chép ở Điều 1 trên thì Hoàng Việt luật lệ đã nhận định rất sát thực tế khi ấy trong việc bảo vệ trẻ em gái khi cho rằng đối với trẻ em gái dưới mười hai tuổi, chưa đến tuổi dậy thì, tạm hiểu là chưa thực hiện được chức năng có thai, làm mẹ, nên “không có lòng dâm”, và “chuyện tình chưa nảy nở” thêm vào đó là hiểu biết về tình dục chưa đầy đủ hoặc chưa biết, cũng như chưa phát triển đầy đủ về thể chất, lại thêm có thể bị kẻ xâm hại dụ dỗ, “lừa dối”, thậm chí là cưỡng ép, dọa nạt nên sợ mà làm theo. Bởi vậy, dù có thuận tình chăng nữa, thì cũng coi như bị cưỡng bức, tức là tuy hai bên “hòa gian” trai gái tự nguyện cùng nhau quan hệ, con gái dưới mười hai tuổi bị dụ dỗ mà đồng tình thì vẫn xem là bị “cưỡng gian”.

Trong Điều 1, Chương Phạm gian có phần “Điều lệ”, Hoàng Việt luật lệ chép tiếp: “Cưỡng gian con gái dưới mười hai tuổi đến chết, dụ dỗ con gái chưa đến mười tuổi đưa đi cưỡng bức làm chuyện dâm ô, chiếu theo luật xử như bọn côn đồ trộm cướp, xử trảm (tử hình)”.

Ở Bộ luật Gia Long nêu rõ những tình tiết tăng nặng như việc cưỡng gian trẻ em gái đến chết, người phạm tội dĩ nhiên sẽ thọ hình phạt mức tội mức cao nhất, tức là bị xử chém. Dụ dỗ trẻ em gái chưa đến mười tuổi bằng sức mạnh “cưỡng bức”, thì xem xét như tội trộm cướp, cũng xử trảm. Luật này cũng xác định rõ dù cho trẻ em gái có thuận tình theo, tức là bị dụ dỗ mà làm theo,

sẽ là trường hợp hòa gian, có đồng thuận vì không hiểu biết, nhưng vẫn xử kẻ phạm tội ấu dâm mức cưỡng gian.

Pháp luật hình sự giai đoạn khi thực dân pháp xâm lược nước ta năm 1858.

Khi đất nước bị chia cắt làm ba miền: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, mỗi miền sử dụng những quy định pháp luật khác nhau.

Phía Bắc, toàn quyền Đông dương ký sắc lệnh quy định việc thi hành bộ luật hình sự trong đó có các nội dung quy định về hành vi và chế tài đối với các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.

Ở Trung Kỳ, ngày 03/07/1933 vua Bảo Đại ban hành Bộ luật hình sự Trung Kỳ, cụ thể tại Điều 300 đến Điều 308 quy định tội xâm phạm tình dục trong đó có tội phạm gian với con gái chưa đủ 15 tuổi.¹⁷ Bộ luật này có tham khảo, kế thừa các nội dung tương tự của Hoàng Việt luật lệ.

Phía Nam, Cộng hòa pháp áp dụng thực thi bộ luật dân sự pháp, bộ luật dân sự này chỉ quy định các nội dung dân sự về hôn nhân gia đình, sở hữu, hợp đồng... mà không có quy định nào về trách nhiệm và hình phạt hình sự.

Ngày 2/9/1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, cần có pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội điều chỉnh về tội phạm nói chung và tội xâm hại tình dục trẻ em nói riêng. Nhằm duy trì trật tự xã hội thì Bác Hồ đã ký ban hành các quy định trong đó tạm thời vẫn dùng các quy định của các bộ luật cũ, cho phép hệ thống các cấp tòa xét xử theo luật cũ.

Trước tình hình thiếu thốn các quy định về tội hiếp dâm nói chung, xâm hại tình dục trẻ em nói riêng và thực trạng gia tăng các tội phạm này sau khi kết thúc chiến tranh, để kịp thời khắc phục tình trạng đó nên ngày 15/6/1960 Tòa án nhân dân tối cao ra chỉ thị số 1024 hướng dẫn xử lý tội phạm hiếp dâm nhằm khắc phục khuynh hướng coi nhẹ tính chất nghiêm trọng của tội này, nhất là khuynh hướng coi nhẹ tội hiếp dâm mà nạn nhân là trẻ em.

¹⁷ Điều 303 có quy định "phạm gian với con gái chưa đủ 15 tuổi sẽ bị phạt giam trong ngục từ 5 đến 10 năm", Bộ luật hình sự Trung Kỳ 1933.

Do các quy định, nội dung của các văn bản pháp luật còn chưa hoàn thiện gây khó khăn trong công tác xét xử, để đáp ứng đầy đủ, thống nhất nhận thức chung cho các cán bộ tiến hành tố tụng có đủ thủ tục, trình tự. Tòa án nhân dân tối cao đã thông qua bản tổng kết số 329/HS2 ngày 11/5/1967 hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm trẻ em và các tội phạm khác xâm phạm về mặt tình dục¹⁸.

Đây là báo cáo tổng hợp đề cập chi tiết các hành vi phạm tội, các phương hướng xử lý của các cấp tòa án khi có trường hợp dâm ô, hiếp dâm, cưỡng dâm trẻ em, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, các hành vi tăng nặng trách nhiệm hình phạt, trong đó có nhiều quy định tiến bộ, cụ thể các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, gia đình người phạm tội có nhiều công trạng với đất nước, người phạm tội ăn năn, hối cải, có xu hướng cố gắng hoàn thiện bản thân để hoàn lương.

Bản báo cáo này được dùng làm căn cứ để xét xử cho đến năm 1985, Bộ luật hình sự ra đời và được áp dụng thay thế.

Sau ngày 30/4/1975, nhà nước cũng đã ban hành nhiều quy định làm cơ sở pháp lý trong việc định tội và xét xử các tội danh về xâm hại tình dục trẻ em trong đó bao gồm các hành vi xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, thể chế chính trị, xã hội...các tội danh liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em được quy định hình phạt tù giam, chung thân hoặc tử hình., đây là hình phạt rất nghiêm khắc đối với hành vi phạm tội dâm ô, hiếp dâm, cưỡng dâm trẻ em.

Kế thừa các quy định của nhà nước, chính phủ, tòa án nhân dân tối cao đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị hướng dẫn việc thực hiện từ trung ương xuống địa phương phải thống nhất trong công tác xét xử tội phạm về xâm hại tình dục trẻ em.

¹⁸ Nguyễn Tuấn Thiện, “Các tội xâm phạm tình dục trẻ em trong luật hình sự Việt Nam , (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)”, tr.24.

Bộ luật Hình sự 1985 được Quốc hội thông qua ngày 27/06/1985 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1986. Qua các lần sửa đổi bổ sung, các quy định về tội hiếp dâm trẻ em cũng ngày càng được các nhà làm luật quan tâm bổ sung hoàn thiện đúng mức cho đến Bộ luật hình sự hiện nay.

1.2. Nội dung của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về các tội xâm hại tình dục trẻ em.

“1.2.1. Điều 142. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ;

b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Có tính chất loạn luân;

b) Làm nạn nhân có thai;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;

đ) Phạm tội 02 lần trở lên;

e) Đối với 02 người trở lên;

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Có tổ chức;

- b) Nhiều người hiếp một người;
- c) Đối với người dưới 10 tuổi;
- d) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- đ) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;
- e) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”¹⁹

Thực tiễn cho thấy, có nhiều trường hợp tuy là trẻ em dưới 13 tuổi nhưng do đã có sự phát triển về thể chất nên các em trưởng thành sớm so với độ tuổi, thêm vào đó, việc giao cấu là thuận tình. Vì vậy, việc quy định mọi trường hợp giao cấu với người dưới 13 tuổi đều phải chịu khung hình phạt cao nhất của điều luật là quá nghiêm khắc và chưa thật sự hợp lý.²⁰

Điều luật đã cụ thể hóa tình tiết “phạm tội nhiều lần”, “Đối với nhiều người” thành “phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên”; thay từ “thương tật” bằng cụm từ “tổn thương cơ thể” và bổ sung tình tiết “gây thương tích” vào điểm c khoản 2, điểm d khoản 3;

Quy định tại Điều 142 đã thực hiện triệt để nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự, có phân chia độ tuổi và nguyên tắc công bằng trong luật hình sự. Bởi trường hợp giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và trường hợp giao cấu với người dưới 13 tuổi là khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi nên trong xử lý hình sự cũng được phân hoá trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, luật còn để khoảng trống trong phân chia độ tuổi vì thực tiễn xét xử tội hiếp dâm trẻ em cho thấy có trường hợp phạm tội nạn nhân là trẻ từ 1 tuổi đến dưới 6 tuổi, có trường hợp nạn nhân là trẻ từ 6 tuổi đến dưới 13 tuổi.

¹⁹ Điều 142 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

²⁰ Khoản 1 Điều 142 của BLHS sửa đổi 2017

Khi quyết định hình phạt Tòa án phải cân nhắc đến độ tuổi của nạn nhân nhưng thiết tưởng vẫn cần có sự phân hoá trách nhiệm hình sự ngay trong điều luật trường hợp nạn nhân là trẻ em dưới 6 tuổi với trường hợp nạn nhân là trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 13 tuổi và quy định hình phạt nghiêm khắc nhất đối với trường hợp hiếp dâm trẻ em dưới 6 tuổi bởi hành vi phạm tội đã thể hiện tính nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về nhiều mặt cho hiện tại cũng như tương lai của nạn nhân hoặc dẫn đến chết người.

Theo khoa học pháp lý hình sự thì quy định tại khoản 2 thường quy định cao hơn khoản 1 do có nhiều tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, tuy nhiên tại điều 142 khoản 1: “Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, khoản 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm”²¹, có thể thấy khi vi phạm khoản 2 có tình tiết tăng nặng nhưng cơ quan tố tụng có thể áp dụng hình phạt 12 năm tù, thấp hơn so với quy định tại khoản 1: cao nhất là 15 năm tù và đây có thể là một bất hợp lý trong Bộ luật Hình sự sửa đổi 2017.

“1.2.2. Điều 144. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi

1. Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tính chất loạn luân;*
- b) Làm nạn nhân có thai;*

²¹ Khoản 1 Điều 142 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

c) *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;*

d) *Phạm tội 02 lần trở lên;*

đ) *Đối với 02 người trở lên;*

e) *Tái phạm nguy hiểm.*

3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:*

a) *Nhiều người cưỡng dâm một người;*

b) *Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;*

c) *Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;*

d) *Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.*

4. *Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”²²*

Cụ thể hóa tình tiết “Phạm tội nhiều lần”, “Đối với nhiều người” thành “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với 02 người trở lên”; thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ “tổn thương cơ thể” và bổ sung tình tiết “gây thương tích” vào điểm c khoản 2, điểm b khoản 3; Bổ sung tình tiết định khung tăng nặng “Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%” ở khoản 2 và “gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên” ở khoản 3.

Quy định tại điều 144 đã có phân chia về giới hạn tuổi, có sự phân chia về tỷ lệ thương tích, áp dụng hình phạt, tuy nhiên điều 144 có quy định về tình trạng “quần bách”, thiết nghĩ cần phải có văn bản giải thích, làm rõ, để trong việc thực thi pháp luật, áp dụng pháp luật được tốt, tránh tình trạng mỗi nơi

²² Điều 144 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

hiểu một kiểu, áp dụng một kiểu, không thống nhất trong thực hiện quy định pháp luật.

Điều 144 cũng quy định tại khoản 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, quy định khoản 2 có mức án thấp hơn khoản 1, khoản 3 có mức án thấp hơn khoản 2, mặc dù, các tình tiết tăng nặng của khoản 2 cao hơn khoản 1, khoản 3 cao hơn khoản 2.

Ví dụ bị can, bị cáo vi phạm điểm c khoản 2 có thể bị kết án cao nhất là 15 năm tù, bị cáo vi phạm điểm b khoản 3 có thể bị kết án cao nhất là 12 năm tù, và đây cũng là một bất hợp lý trong điều 144 trong Bộ luật Hình sự sửa đổi 2017.

1.2.3. Điều 145. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi

“1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Có tính chất loạn luân;

d) Làm nạn nhân có thai;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

e) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;*

b) *Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội.*

4. *Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*²³

BLHS sửa đổi 2017 đã sửa đổi tên tội danh “Giao cấu với trẻ em” theo Điều 115 của BLHS năm 1999 thành “Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, đồng thời, bổ sung dấu hiệu định tội “thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” vào cấu thành tội phạm ở khoản 1.

Cụ thể hóa tình tiết “Cưỡng dâm nhiều lần”, “Cưỡng dâm nhiều người” thành “Cưỡng dâm 02 lần trở lên”, “Cưỡng dâm 02 người trở lên”; thay cụm từ “thương tật” bằng cụm từ “tổn thương cơ thể”; Bổ sung tình tiết định khung “gây thương tích” vào điểm đ khoản 2, điểm a khoản 3; bổ sung tình tiết định khung tăng nặng “Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh” vào khoản 2.

Về hình phạt: Điều luật đã bổ sung quy định về hình phạt bổ sung ở khoản 4 là “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các cấp tòa án đều quan tâm xem xét các yếu tố khách quan, yếu tố chủ quan trong đó yếu tố chấp nhận việc quan hệ tình dục là yếu tố quan trọng trong việc phân loại tội giao cấu và các loại tội xâm hại tình dục khác như tội dâm ô, hiếp dâm, cưỡng dâm không có yếu tố chấp nhận việc quan hệ tình dục, cần xem xét yếu tố này và quy định đây là yếu tố chính trong việc định tội danh và quyết định hình phạt trong xét xử.

“1.2.4. Điều 146. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

²³ Điều 145 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên;

d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;

đ) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%

e) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

b) Làm nạn nhân tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”²⁴

Mặc dù BLHS năm 1999 có quy định tội dâm ô với trẻ em. Tuy nhiên, việc quy định tội dâm ô với trẻ em chưa bao quát hết các hành vi xâm hại tình dục trẻ em xảy ra trên thực tiễn trong thời gian qua. Theo cách hiểu hiện nay về dâm ô thì hành vi dâm ô được coi là hành vi đụng chạm vào những bộ phận nhạy cảm của người phạm tội, tại khoản 1 quy định rất rõ ràng “không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác”

²⁴ Điều 146 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại điều 146 BLHS sửa đổi 2017 đã quy định chế tài tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 có tính liên tục, phù hợp với các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại mỗi khoản.

“1.2.5 Điều 147. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm.

1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên;

d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;

đ) Có mục đích thương mại;

e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

b) Làm nạn nhân tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”²⁵

²⁵ Điều 147 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017

Trong thực tiễn còn nhiều trường hợp, người phạm tội ép buộc trẻ em phải biểu diễn các hành vi khiêu dâm, đóng phim khiêu dâm hoặc buộc trẻ em phải xem những hình ảnh khiêu dâm... Đây là những hành vi nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển của trẻ em. Do vậy, BLHS sửa đổi 2017 đã bổ sung tội danh này với chủ thể của tội phạm phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên.

Điều luật được thiết kế gồm 04 khoản:

Khoản 1 quy định cấu thành cơ bản của tội này, bao gồm các hành vi: “lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức”;

Khoản 2 quy định khung tăng nặng với 07 tình tiết định khung: (1) phạm tội có tổ chức; (2) phạm tội 02 lần trở lên; (3) phạm tội đối với 02 người trở lên; (4) phạm tội đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; (5) có mục đích thương mại; (6) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; (7) tái phạm nguy hiểm.

Khoản 3 quy định khung tăng nặng đặc biệt với 02 tình tiết định khung: (1) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; (2) làm nạn nhân tự sát”.

Về hình phạt: điều luật đã thể hiện chính sách hình sự nghiêm khắc đối với tội phạm này, Điều luật quy định hình phạt chính là hình phạt tù. Khoản 1 quy định hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, khoản 2 quy định hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; khoản 3 quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 12 năm; khoản 4 quy định hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Việc sửa đổi các nội dung cụ thể quy định tại các điều luật 142, điều 144, điều 145, điều 147 nhằm cụ thể hóa các hành vi vi phạm, mức độ vi phạm và các chế tài tương đương với hành vi đó, những thay đổi này là phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế mà Việt Nam tham gia, phù hợp với hệ thống pháp luật

của nhà nước và cơ bản là phù hợp với trình độ, đời sống của người dân. Khi đất nước đang từng bước phát triển hội nhập thì các quy định pháp luật cơ bản tạo nền tảng vững chắc cho sự ổn định của đời sống xã hội, bảo đảm các quan hệ xã hội được điều chỉnh bằng các quy định của pháp luật, bảo đảm mọi người được sống trong một môi trường an toàn, lành mạnh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nghiên cứu các vấn đề về tội xâm hại tình dục trẻ em tác giả rút ra một số nội dung sau:

Thứ nhất, đối tượng người bị hại là trẻ em là đối tượng được Nhà nước bảo vệ đặc biệt và theo quy định hiện hành, chúng ta đã phân biệt hai khái niệm trẻ em và người chưa thành niên (là người dưới 18 tuổi như đề xuất của Luật chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em), BLHS sửa đổi 2017 đã tính toán đề điều chỉnh ngày cho phù hợp Ví dụ: sửa đổi tên tội danh: Tội giao cấu với trẻ em thành tội "giao cấu với người dưới 16 tuổi".

Thứ hai, các tội xâm hại tình dục trẻ em đã xuất hiện từ lâu và được các triều đại phong kiến quy định bằng các văn bản pháp luật, khi Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 được thi hành. Tuy nhiên, các tội xâm phạm tình dục người dưới 16 tuổi hiện nay khi áp dụng vẫn còn hạn chế, vướng mắc cần phải xem xét nghiên cứu để hoàn thiện hơn như thực trạng quan hệ giữa người đồng tính, sử dụng Sextoy, hành vi tình dục của con người đã phát triển theo hướng ngày càng đa dạng, hành vi tình dục không chỉ diễn ra ở bộ phận sinh dục mà còn có thể ở những bộ phận khác trên cơ thể, đồng thời vấn đề chuyển đổi giới tính đã không còn là hiện tượng hiếm, nên việc sử dụng khái niệm "giao cấu" theo Bản Tổng kết 329/HS2 đã không còn phù hợp và không giải quyết được những vướng mắc trong thực tiễn. Điều này đòi hỏi vẫn phải tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn việc thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật luôn đáp ứng yêu cầu của đời sống thực tại.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TẠI QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực tiễn định tội danh các tội xâm hại tình dục trẻ em.

2.1.1. *Khái quát lý luận về định tội danh các tội xâm hại tình dục trẻ em.*

Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của định tội danh các tội xâm hại tình dục trẻ em.

“Định tội danh là một dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện bằng cách căn cứ các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết khách quan của vụ án hình sự mà đối chiếu, kiểm tra để xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể tương ứng trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự được thể hiện thông qua một văn bản áp dụng pháp luật.

Đặc điểm: Từ nội dung của khái niệm khoa học về định tội danh trên đây, đồng thời xuất phát từ việc nghiên cứu vấn đề định tội danh trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, chúng ta có thể nêu lên các đặc điểm cơ bản dưới đây của việc định tội danh.

- Định tội danh là một quá trình nhận thức lý luận có tính lôgic được thể hiện dưới hai khía cạnh: Xác định xem các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện có tương ứng với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể do điều luật trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự qui định hay không.

Trên cơ sở đó, đưa ra sự đánh giá nhất định về mặt pháp lý hình sự đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể đã xảy ra trong thực tế khách quan.”²⁶

Định tội danh còn có thể được hiểu là một hình thức hoạt động thực tiễn pháp lý của các cơ quan tư pháp hình sự: các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử để cụ thể hoá các quy phạm pháp luật hình sự trừu tượng vào đời sống thực tế, tức là lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự để áp dụng đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể nào đó được thực hiện trong thực tế khách quan và từ đó, đưa ra kết luận là: hành vi được xem xét ấy có đầy đủ các dấu hiệu của tội phạm tương ứng được pháp luật hình sự thực định quy định hay không.

- Định tội danh được tiến hành theo quy định của pháp luật với quy trình cụ thể là:

Thứ nhất, nghiên cứu các chi tiết cụ thể của vụ án hình sự có thật tại hiện trường.

Thứ hai, xác định các quy phạm pháp luật điều chỉnh hành vi trong hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh còn giá trị thực hiện.

Thứ ba, xem xét, sử dụng đúng các quy định của pháp luật, áp dụng đối với từng tội phạm cụ thể tham chiếu với các quy định pháp luật tương ứng, xem xét các khía cạnh, góc độ của cấu thành tội phạm để nhận định chính xác hành vi phạm tội của người phạm tội.

Thứ tư, khi đã hoàn chỉnh xong phần các thủ tục điều tra, truy tố, xét xử, thì các cơ quan tiến hành tố tụng ban hành quyết định hoặc bản án đúng theo quy định trong đó trích dẫn các căn cứ áp dụng đúng các quy định của pháp luật để buộc tội, phân tích hành vi của bị can, bị cáo trong từng tội cụ thể

²⁶ Giáo trình luật hình sự - phần chung, Đại học luật Hồ Chí Minh.

tương ứng với các mức hình phạt, trong đó có xem xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các dạng định tội danh

Xem xét đối tượng thực hiện hành vi phạm tội, các nhà nghiên cứu về pháp luật thống nhất có hai trường hợp: định tội danh chính thức và định tội danh không chính thức, ngoài ra còn có trường hợp định tội danh hỗn hợp.

Định tội danh chính thức là sự phán xét của các cơ quan tiến hành tố tụng về hành vi phạm tội của tội phạm, đây là quyền hạn đặc biệt được nhà nước giao cho các cơ quan có nhiệm vụ đặc biệt.

Các đối tượng chính thực hiện công việc định tội này phải là những người được đào tạo chuyên môn sâu về kiến thức pháp luật, có quá trình công tác lâu dài, có nhiều kinh nghiệm thông qua việc xử lý các vụ án. Được nhà nước giao cho các nhiệm vụ cụ thể trong từng cơ quan nhất định.

Kết quả của việc định tội danh chính thức có thể xác định hành vi phạm tội của tội phạm và hình phạt giam giữ hoặc không giam giữ, nó còn kéo theo một loạt các vấn đề liên quan về nhân thân người phạm tội, sự mặc cảm của đối tượng và gia đình đối với sự kỳ thị của xã hội, các vấn đề liên quan đến lai lịch chính trị cá nhân.

Định tội danh không chính thức là các hành động định tội danh không phải do các cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước có liên quan thực hiện, mà đó là hành động của các cá nhân là Luật sư, luật gia, nhà nghiên cứu pháp luật hình sự và tố tụng hình sự...có trình độ kiến thức chuyên sâu, am hiểu về lĩnh vực định tội danh đưa ra các nhận định mang tính cá nhân của mình.

Dạng định tội không chính thức chỉ thể hiện là các ý kiến cá nhân, chỉ mang tính chất tham khảo cho các nội dung còn chưa có hướng dẫn cụ thể,

Dạng định tội không chính thức không có giá trị trong việc củng cố hoặc bác bỏ các nội dung định tội danh chính thức từ phía cơ quan nhà nước.

Các giai đoạn định tội danh

Giai đoạn thứ nhất: xác định quan hệ pháp luật. Giai đoạn này thể hiện bằng việc phân tích các dấu hiệu cơ bản nhất của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện để xác định xem hành vi đó có các dấu hiệu của tội phạm hay không – có phải là hành vi bị luật hình sự cấm không hay chỉ là hành vi vi phạm pháp luật khác để “xác định dấu hiệu của tội phạm”. Có ba trường hợp có thể xảy ra:

Các cơ quan tiến hành tố tụng không được thực hiện quy trình tố tụng vụ án hình sự. Nếu hành động thực hiện chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng sẽ chuyển yêu cầu xử lý cho các cơ quan chức năng khác xử lý theo thẩm quyền, có thể là phạt hành chính hoặc phạt tiền, buộc vào các cơ sở chữa bệnh...tùy theo mức độ mức độ vi phạm của chủ thể. Trường hợp hành động của chủ thể có đầy đủ các yếu tố của dấu hiệu phạm tội, có hậu quả xảy ra, có mối liên hệ nhân quả...thì có nghĩa là đã có mối quan hệ ràng buộc với pháp luật hình sự, từ giai đoạn thứ nhất chuyển sang giai đoạn thứ hai

Giai đoạn thứ hai: là giai đoạn xác định xem tội phạm mà chủ thể thực hiện thuộc chương tương ứng nào trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự và nó được thể hiện bằng việc:

Xác định xem khách thể loại, nhóm quan xã hội nào được pháp luật hình sự bảo vệ đã bị tội phạm xâm hại đến và ai là người phạm tội.

Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có đủ các yếu tố cấu thành theo quy định còn có những đặc điểm riêng so với các người thực hiện

hành vi nguy hiểm khác như cán bộ quân đội, cán bộ công an, cán bộ tòa án, đại biểu quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân...

Giai đoạn thứ ba: là giai đoạn so sánh, đối chiếu và kiểm tra xem các dấu hiệu của tội phạm mà người phạm tội đã thực hiện do Điều luật cụ thể nào qui định, tức là phải xác định xem đó là tội phạm gì, đồng thời tương ứng với cấu thành tội phạm cụ thể nào và nó thuộc khoản nào trong Điều luật cụ thể đã tìm được.

Ý nghĩa của việc định tội danh sẽ giúp cụ thể hóa các qui phạm pháp luật hình sự (PLHS) vào đời sống thực tế. Việc định tội danh đúng sẽ là cơ sở cho việc áp dụng các điều khoản quy định của pháp luật hình sự và xác định cơ bản hình phạt một cách tương thích. Ngoài ra, Việc định tội danh đúng còn có nhiều lợi ích cho người phạm tội trong việc xác định các tình tiết giảm nhẹ hình phạt.

Định tội danh đúng còn góp phần làm rõ nội dung các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam đã phù hợp với các quy định theo thông lệ quốc tế, thuận lợi cho việc thi hành vận dụng, áp dụng vào các án lệ.

Định tội danh đúng còn là nền tảng cho việc áp dụng, xét định thời hạn, thời hiệu, thời gian cơ quan tố tụng đã tiến hành bắt giữ, tạm giữ, gia hạn tạm giữ... nhằm làm rõ hành vi phạm tội, việc xét định có tội hay không có tội thể hiện sự công bằng của pháp luật trong việc xét xử đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội cũng như không bỏ lọt tội phạm. Việc định tội danh sai dễ dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật của các cán bộ tiến hành tố tụng, làm giảm uy tín của các cơ quan có liên quan mà đặt biệt là định tội danh sai là đi ngược lại xu hướng phát triển của luật hình sự, làm ảnh hưởng nặng nề đến công bằng của xã hội, giảm đi tính chất phòng chống tội phạm.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh các tội xâm hại tình dục trẻ em tại Quận Thủ Đức.

Tội phạm xâm hại tình dục trẻ em tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng diễn biến phức tạp, đối tượng phạm tội ngày càng suy giảm về nhân cách, đạo đức, lối sống. Đây là vấn đề được nhiều ban ngành Quận đặt ra và tìm hướng giải quyết. Từ năm 2013 đến năm 2017, bình quân mỗi năm, tại Quận Thủ Đức xảy ra từ 8 đến 10 vụ, tập trung chủ yếu tại các phường giáp ranh với Bình Dương, Đồng Nai.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến các tội xâm phạm tình dục trẻ em diễn biến phức tạp, trong đó công tác điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này còn nhiều vướng mắc và nguyên nhân từ phía gia đình thiếu quan tâm, buông lỏng quản lý, giáo dục, định hướng lối sống cho trẻ, mạng internet - công nghệ số phát triển mạnh nhưng khả năng quản lý, ngăn chặn các thông tin tiêu cực (web sex, thông tin khiêu dâm, kích dục...) trên mạng của cơ quan chức năng còn rất hạn chế; vấn đề tạo thêm sân chơi lành mạnh tại phường còn bỏ trống, có hoạt động thì cũng hoạt động theo hình thức phong trào, cho một số đối tượng trong một thời gian nhất định; vấn đề trang bị kỹ năng tự vệ cho trẻ vẫn đến nay vẫn chưa đáp ứng hết nhu cầu thực tế; việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tình dục, giới tính, hôn nhân gia đình chưa được nhiều phường, tổ chức đoàn thể quan tâm thực hiện, có nơi làm hình thức, chiếu lệ, có nơi không làm.

Qua thực tiễn đánh giá cho thấy tình hình tội phạm xâm hại tình dục trẻ em diễn biến phức tạp, có xu hướng ngày càng gia tăng, tình trạng này đáng báo động nhất là khi việc bảo vệ tính mạng, danh dự, nhân phẩm của trẻ em trên địa bàn Quận Thủ Đức đang cần sự quan tâm của toàn xã hội.

Thực tiễn định tội danh theo khoản 1 điều 142 Bộ luật hình sự.

Tội này có nguồn gốc từ Tội hiếp dâm trẻ em được quy định tại Điều 112 BLHS năm 1999. Tại Điều 142 BLHS năm 2015, hành vi phạm tội đã được mô tả cụ thể hơn. “Theo đó, hiếp dâm người dưới 16 tuổi là hành vi dùng vũ

lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ; Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.”²⁷

Tại BLHS năm 2015, khung hình phạt đối với tội này vẫn được giữ nguyên so với quy định tại BLHS năm 1999. Theo đó, người phạm tội sẽ bị phạt thấp nhất là 07 năm tù và cao nhất là tử hình, tùy thuộc vào mức độ phạm tội. Trong trường hợp giảm nhẹ đặc biệt, Tòa án có thể căn cứ vào điểm a, Khoản 1 Điều 142 BLHS để quyết định hình phạt.

Ví dụ: Vào khoảng 22 giờ ngày 17/02/2017, Đinh Gia L đến nhà ông Đinh Thanh T ở phường LT, Quận TĐ chơi, khi đến thấy không có ai ở nhà, chỉ có cháu Đinh Thị Hương T, sinh ngày 22/5/2003 ngồi trên võng chơi điện thoại một mình nên Đinh Gia L nảy sinh ý định giao cấu với cháu T. L đi đến vị trí chiếc võng cháu T đang ngồi, sau đó L ôm cháu T lên chiếc giường gỗ gần đó, L dùng tay phải sờ nắn liên tục vào ngực và âm hộ của cháu T, sờ nắn các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể của cháu T khoảng 15 đến 20 phút, thì L đặt cháu T nằm ngửa xuống giường rồi tiến hành giao cấu được khoảng 05 phút thì bị anh Đinh Thanh T đi chơi về bắt quả tang. Anh T thông báo cho các thành viên trong gia đình biết và báo cáo Công an xã H để giải quyết vụ việc, Ban công an xã H đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó chuyển người và hồ sơ vụ án đến Công an huyện M để tiến hành điều tra làm rõ.

Tại bản kết luận giám định số 1238/C54(TT3) ngày 09/03/2017 của Viện Khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: “Sợi lông, tóc gửi giám định là lông, tóc người. Không phân tích được kiểu gen (ADN) của sợi lông,

²⁷ Điều 142 Bộ Luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017

tóc người trên do không còn gốc và tế bào nang gốc; dấu vết loang trên mảnh vải gửi giám định không có xác tinh trùng người.”²⁸

Căn cứ bản án số 13 ngày 23 tháng 1 năm 2018, tòa án áp dụng điểm a khoản 1 Điều 142 Xử phạt bị cáo Đinh Gia L 03 năm tù.

Thực tiễn định tội danh theo khoản 2 điều 145 Bộ luật hình sự

Về các tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự, Tòa án xem xét theo cấu thành tăng nặng phạm tội 2 lần trở lên và làm nạn nhân có thai, hậu quả do hành vi phạm tội phù hợp với quy định tại khoản 2 điều này.

Khoảng tháng 3/2015, Hồ Thị Kim T1 làm thuê cho quán cà phê 777, thuộc khu vực 6, phường A, Quận TĐ có quen biết và nảy sinh tình cảm yêu đương nam nữ với Nguyễn Vũ T.

Đến khoảng hơn một tháng sau, khoảng 11 đến 12 giờ, Nguyễn Vũ T điều khiển xe mô tô từ nhà đến quán cà phê 777, chở Hồ Thị Kim T1 đến quán cà phê sân vườn Ái Linh, thuộc khu vực A1, phường B. Khi đến quán Nguyễn Vũ T và Hồ Thị Kim T1 vào tum số 3 uống nước, nói chuyện và ôm nhau, sau đó T và T1 cởi quần áo ra quan hệ tình dục với nhau. Quan hệ xong T và T1 tự mặc quần áo vào, T chở T1 về quán 777 làm việc tiếp.

Sau khi quan hệ lần đầu tại quán cà phê Ái Linh cũng trong năm 2015, Nguyễn Vũ T chở Hồ Thị Kim T1 về nhà của mình tại phường A, Quận TĐ quan hệ tình dục 02 (hai) lần đều vào ban ngày tại phòng ngủ trong nhà Nguyễn Vũ T. Đến khoảng tháng 3/2016, ông Hồ Tấn P phát hiện Hồ Thị Kim T1 có thai và tố giác hành vi phạm tội của Nguyễn Vũ T.

²⁸ Kết luận giám định số 1238/C54(TT3) ngày 09/03/2017 của Viện Khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 167/C54B ngày 20/12/2017 và kết luận giám định số: 417/C54B ngày 13/3/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định tại thời điểm giám định (tháng 12/2017) Hồ Thị Kim T1 có độ tuổi từ: 17 năm 04 tháng đến 17 năm 10 tháng.

Bản án số 18 ngày 21 tháng 6 năm 2018, Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145, Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ T 03 (ba) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo

Thực tiễn định tội danh theo khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự

Theo điều 146 BLHS năm 2015, tội dâm ô với người dưới 16 tuổi được miêu tả cụ thể như sau: Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác. Người phạm tội này sẽ bị phạt tù với mức phạt thấp nhất là 06 tháng tù và cao nhất là 12 năm tù, kèm với hình phạt bổ sung.

Đối với các trường hợp này qua nghiên cứu các bản án cho thấy: Tòa án đã căn cứ vào khách thể bị xâm hại, mặt khách quan, lỗi của các bị cáo, chủ thể, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Cụ thể là trường hợp vào khoảng 13 giờ ngày 17/5/2017 Nguyễn Văn D cùng Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thanh P tổ chức uống rượu tại nhà của anh Đ tại phường LĐ, Quận TĐ. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ nhậu. Sau đó Đ vào nhà ngủ, P thì ra về, còn D ở lại nhà của Đ. Lúc này, D thấy cháu Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 16/12/2011 đang chơi đùa cùng cháu Nguyễn Thanh T là con của anh Đ ở phía sau nhà, D nảy sinh ý định dâm ô đối với cháu L. D gọi cháu L lại và ôm L vào lòng rồi hôn lên mặt, trán của cháu L. Sau đó, D dùng hai ngón tay đưa vào trong quần sờ bộ phận sinh dục của L nhằm thỏa

mãn dục vọng. Ngay lúc này bà Lê Thị T là bà ngoại của L sang nhà Đ để gọi L về nhà ăn cơm thì D dừng lại.

Khi cháu L ăn cơm xong quay trở lại nhà của Đ chơi ở ngoài sân thì D tiếp tục gọi cháu L lại và dùng tay trái ôm cháu L vào lòng, rồi hôn lên mặt, trán và dùng 2 ngón tay đưa vào trong sờ bóp vào bộ phận sinh dục của cháu L nhằm thỏa mãn dục vọng thì bị bà Lê Thị T phát hiện và trình báo chính quyền địa phương.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 327/KL-PY, ngày 01/10/2017 của Trung tâm giám định pháp y thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận đối với Nguyễn Thị Trúc L như sau: Màng trinh còn nguyên vẹn, mép mỏng, lỗ màng trinh nhỏ đường kính 0.8cm. Chúng tôi chưa có vật gì đường kính từ 1.5cm trở lên đưa qua lỗ màng trinh vào âm đạo.

Tại bản án số 50 ngày 20 tháng 3 năm 2018, căn cứ Khoản 2 - Điều 146 tòa án xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù.

Một số nguyên nhân cơ bản:

Đối với hoạt động định tội danh sai:

Khi các cơ quan tiến hành tố tụng định tội danh sai thì vấn đề áp dụng pháp luật sẽ sai, người thực hiện hành vi phạm tội hoặc sẽ nhận hậu quả nặng nề hơn so với hành vi vi phạm hoặc vui mừng nhận bản án nhẹ hơn so với hậu quả mà mình gây ra vì đã chi phối, can thiệp, tác động được vào hệ thống pháp luật. Pháp luật hình sự có tính độc lập, bất khả xâm phạm sẽ mất tính nghiêm minh do không có đủ căn cứ để xét định tội phạm, các giá trị chân lý cao quý về công bằng, dân chủ của xã hội bị sai lệch. Ví dụ:

Như trong vụ gây chấn động trong dư luận hiện nay là vụ N K T (76 tuổi, ngụ tại một chung cư ở TP) bị cơ quan điều tra khởi tố vì đã có hành vi dâm ô với con gái chị là cháu T.N.T, sinh năm 2009. Theo chị T, cháu bé bị

dâm ô trong thời gian nghỉ hè ở nhà một mình, còn chị đi làm vắng. Vụ việc chỉ thực sự được giải quyết khi Chủ tịch nước Trần Đại Quang đã có yêu cầu lãnh đạo Bộ Công an, Viện KSND Tối cao chỉ đạo các cơ quan tư pháp, điều tra sớm làm rõ và có kết luận về vụ việc này. Vụ việc này đã được Công an TP. khởi tố vụ án từ tháng 8.2016, bị cáo đã bị xử phạt 3 năm tù.

Nguyên nhân dẫn đến sai sót trên là do thẩm phán không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá chứng cứ vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo nên định tội danh không theo quy định của pháp luật vì vậy dẫn đến việc áp dụng khung hình phạt sai đối với bị cáo; Chưa thường xuyên gắn kết xét xử với tổng kết xét xử để có được những đường lối, rút kinh nghiệm cho những lần sau; Chưa xây dựng được án lệ đối với loại tội này để giúp cho quá trình giải quyết các vụ án có tính chất đặc biệt dễ dàng hơn.

2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt các tội xâm hại tình dục trẻ em tại Quận Thủ Đức.

2.2.1. Khái quát lý luận về quyết định hình phạt các tội xâm hại tình dục trẻ em.

Quyết định hình phạt là quá trình hoạt động của cơ quan xét xử quyết định hình phạt đúng, tương ứng với hành vi phạm tội của tội phạm, các yếu tố giảm nhẹ. Sau khi định tội danh chính xác, quyết định hình phạt là một giai đoạn vô cùng quan trọng trong toàn bộ quá trình tố tụng. Bởi lẽ hình phạt phù hợp với mức độ, tính nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu, quan điểm của những người tham gia tố tụng, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ vừa đạt được sự răn đe, giáo dục người phạm tội nhưng vẫn thể hiện sự nhân đạo của Nhà nước.

Hiện nay, trong hệ thống pháp luật không có ghi nhận định nghĩa quyết định hình phạt, do có nhiều quan điểm khác nhau, tuy nhiên đại đa số các tác giả cho rằng: “Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt cụ

thể bao gồm hình phạt chính và có thể cả hình phạt bổ sung với mức độ cụ thể với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện để áp dụng cho người phạm tội”.

Khi nghiên cứu các đặc điểm tác giả nhận thấy quyết định hình phạt cơ bản có một số nội dung sau:

Quyết định hình phạt là hoạt động thực tiễn của Tòa án (cụ thể là của hội đồng xét xử) được thực hiện sau khi đã định tội danh và trong trường hợp người phạm tội bị kháng định là có tội thì bị kết án bằng một bản án và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình bằng một hình phạt cụ thể.

Nội dung của quyết định hình phạt có thể là miễn TNHS, nếu người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự thì đương nhiên không phải chịu hình phạt với tính chất và hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm và theo đó thì việc áp dụng hình phạt sẽ không đặt ra. Trường hợp người phạm tội bị kết tội bằng một bản án của Tòa án và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình gây ra nhưng lại được miễn hình phạt, điều đó có nghĩa là miễn hình phạt chỉ thuộc về thẩm quyền của Tòa án và được thực hiện sau khi Tòa án đã định tội danh và xác định trách nhiệm hình sự của người phạm tội.

Với khái niệm và đặc điểm tác giả như trên, việc quyết định hình phạt đúng sẽ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như mang lại sự công bằng, khách quan cho xã hội, bởi: Quyết định hình phạt đúng là kết quả mà Nhà nước đặt ra và mong muốn đạt được khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội; là cơ sở pháp lý đảm bảo và nâng cao hiệu quả của hình phạt; là điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống hình phạt.

Việc quyết định hình phạt đúng gây ảnh hưởng tích cực đến toàn xã hội, hạn chế tội phạm, thúc đẩy hành động nhân văn, yêu thương con người, đồng

loại, góp phần xây dựng các giá trị sống tốt đẹp, người dân nhận thức được các hành vi sai trái mà không thực hiện các hành vi pháp luật quy định cấm thực hiện,

Cơ sở quyết định

“Căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi có nội dung cụ thể, mang tính khách quan, đặc trưng nhất cho tất cả các trường hợp phạm tội, có ý nghĩa quyết định đến tính đúng đắn, hợp pháp của toàn bộ hoạt động quyết định hình phạt. Chính vì vậy, chúng đã được nhà làm luật xác định và lựa chọn làm căn cứ cho việc quyết định hình phạt trong từng trường hợp phạm tội cụ thể.”²⁹

Qua quá trình nghiên cứu, tác giả đồng tình với quan điểm các căn cứ của quyết định hình phạt ngoài việc phải được quy định trong pháp luật hình sự thì còn có thể do giải thích pháp luật mà có buộc Tòa án phải tuân theo khi quyết định hình phạt.

“Điều 50 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 quy định về căn cứ quyết định hình phạt như sau: *Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự*”³⁰ Đây là căn cứ chung có tính chất bắt buộc trong mọi trường hợp khi quyết định hình phạt.

Theo quy định trên thì khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội, Tòa án phải căn cứ và tuân thủ theo các đòi hỏi quan trọng có tính nguyên tắc sau: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự; Căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; Căn cứ vào đặc điểm nhân thân người phạm tội; Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS.

²⁹ Giáo trình Luật hình sự, Đại học Luật Hồ Chí Minh

³⁰ Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các nguyên tắc khi cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử quyết định hình phạt là những quan điểm chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước ban hành cho các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử xem xét khi xác định hình phạt cho người phạm tội.

Giữa các nguyên tắc quyết định hình phạt và các căn cứ quyết định hình phạt có mối liên hệ mật thiết với nhau. Các nguyên tắc quyết định hình phạt tồn tại ở các mặt này hay các mặt khác của các căn cứ quyết định hình phạt.

2.2.2. Thực trạng quyết định hình phạt các tội xâm hại tình dục trẻ em tại Quận Thủ Đức.

Việc tổng hợp, phân tích thực tiễn quyết định hình phạt tại Quận Thủ Đức trong 5 năm từ năm 2013 đến năm 2017 cho thấy: Hình phạt cải tạo không giam giữ không được Tòa án áp dụng, hình phạt tù có thời hạn là hình phạt tù được áp dụng nhiều nhất trên địa bàn.

Để làm rõ hơn thực trạng quyết định hình phạt các tội xâm hại tình dục trẻ em, tác giả đi sâu, phân tích và làm rõ thực tiễn quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể.

Thực tiễn quyết định hình phạt tội Hiếp dâm người dưới 16 tuổi.

Khi áp dụng khung hình phạt này Tòa án căn cứ vào các quy định của BLHS, tức là phải căn cứ vào cả các quy định ở cả phần chung và phần quy định về tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi quy định tại điều 142 Bộ luật hình sự. Người phạm tội bị Tòa án xem xét trong đó có cân nhắc đến độ tuổi của nạn nhân nên áp dụng khung hình phạt thuộc khoản 1 Điều 142 BLHS.

Ví dụ: Khoảng cuối tháng 01 năm 2017, thông qua mạng xã hội Bùi Văn T trú tại phường BC, Quận TĐ, có quen biết và thường xuyên nhắn tin với cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 21/12/2004 trú tại phường BC, Quận TĐ,

Sau đó giữa Bùi Văn T và cháu Nguyễn Thị Thùy L nảy sinh tình cảm yêu đương và có quan hệ tình dục với nhau.

Vào khoảng 22 giờ ngày 27/4/2017, L nhắn tin rủ T đi chơi; đến khoảng 23 giờ T đi xe máy qua nhà đón L, hai người đi đến sân vận động của xã ngồi nói chuyện. Được khoảng 15 phút thì T hỏi L là “nhẫn đâu” và L lấy nhẫn ra, T cầm một chiếc đeo vào tay cho L và L cũng cầm một chiếc đeo vào tay cho T rồi hai người tiếp tục ngồi nói chuyện với nhau (tiền mua nhẫn là của T đưa cho L). Sau đó cả hai đi lên khu vực khán đài sân vận động xã ngồi chơi, T dùng tay kéo áo của L lên ngang ngực và cởi quần của L ra để thực hiện hành vi giao cấu. Sau khi giao cấu xong, hai người tiếp tục ngồi nói chuyện đến khoảng 24 giờ thì về.

Khi T đưa L về đến nhà L thì bị chị Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ của L) phát hiện; T đã phóng xe bỏ chạy về nhà. Chị N đã tra hỏi L và L đã nói cho Chị N biết toàn bộ sự việc trên. Ngày 07/5/2017, Chị N đã làm đơn gửi tố giác đến công an Quận Thủ Đức đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục nữ số 135/PYTD ngày 08/8/2017 của Trung tâm giám định pháp y Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2004 trên cơ thể và bộ phận sinh dục ngoài không thấy dấu vết của thương tích. Màng trinh rách vị trí 3h, 9h vết rách đã liền sẹo.

Tòa án nhận định hành vi của bị cáo Bùi Văn T là nghiêm trọng, đã xâm phạm tới quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm của cháu Nguyễn Thị Thùy L. Bị cáo lợi dụng tình cảm, sự ngây thơ kém hiểu biết của cháu L để thực hiện hành vi giao cấu với cháu L, lần đầu khi cháu L mới được 12 tuổi 5 tháng 10 ngày và lần cuối khi cháu L được 12 tuổi 7 tháng 16 ngày. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2018 của

Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức đã quyết định áp dụng khoản 1 Điều 142; Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 7 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Thực tiễn quyết định hình phạt tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Trong trường hợp tòa án nghiên cứu các vấn đề xảy ra trên thực tế các vụ việc cưỡng dâm có sự đồng thuận vì lý do bị lệ thuộc về vật chất, hoặc vì quan hệ cha ruột với con gái, cha dượng với con gái riêng của vợ, cha nuôi với con gái nuôi, việc xâm hại tình dục này là có sự tự nguyện thực hiện của hai người, có trường hợp người phạm tội tiếp cận gần gũi, mời gọi, dụ dỗ bằng tiền hoặc các lợi ích vật chất khác để người bị hại đồng ý thực hiện hành vi quan hệ tình dục.

Dẫn chứng đó là trường hợp, LH là cha ruột của L.T. N, cùng chung sống tại phường LT, Quận Thủ Đức. Khoảng tháng 3/1993, vào giữa đêm, lợi dụng sự lệ thuộc vật chất, tinh thần và sự non nớt của L.T. N, LH đến chỗ ngủ dùng thủ đoạn dụ dỗ N trong khoảng 15 phút để cho giao cấu, N miễn cưỡng cho H giao cấu. Sáng hôm sau, H nói với N không được nói với ai chuyện giao cấu, nếu nói thì H sẽ đi tù và cả nhà chết đói.

Cứ thế vào ban đêm, L.T.N đã miễn cưỡng để cho L.H giao cấu, kết quả L.T. N có thai, năm 1993 sinh con gái đầu tên là L.T. H. Sau khi sinh cháu H, LH vẫn tiếp tục giao cấu với L.T. N và sinh con thứ hai là L.T. S vào năm 1997, sau đó LH tiếp tục giao cấu với N đến tháng 7/2013 khi N có nhà riêng thì chấm dứt quan hệ tình dục với LH. Đến năm 2015, do nghi ngờ LH có ý định giao cấu với con là L.T. S nên N có đơn tố giác tội phạm đến công an.

Theo kết luận giám định số 1099/C54B ngày 17/7/2016 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ công an tại thành phố Hồ Chí Minh thì: - LH là cha đẻ của L.T. N, L.T. N là mẹ đẻ của L.T. H và L. T. S - LH là cha đẻ của L. T. H

và L.T. S. Tại bản án số 25 ngày 27 tháng 5 năm 2018 căn cứ khoản 2 Điều 144 xử phạt Bị cáo LH 07 (bảy) năm tù về tội “Cưỡng dâm”.³¹

Thực tiễn quyết định hình phạt tội giao cấu

Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có rất nhiều thay đổi quan trọng trong đó việc xác định cụ thể tỷ lệ thương tật là phù hợp với các quy định của khác như quy định xác định tỷ lệ thương tích, luật giám định pháp y, giám định tâm thần...nhưng quy định này thiết thực trong bảo vệ cho đối tượng là trẻ em chống lại các hành vi xâm hại tình dục.

Cụ thể trong trường hợp, Lê Quốc T1 và Bùi Hoàn Thảo T2 (sinh ngày 20/02/2001) có quan hệ tình cảm với nhau vào năm 2014 khi T2 đang học lớp 7. Vào tối ngày 09/9/2014 khi T2 đang là người dưới 16 tuổi, sau khi đi chơi cùng bạn bè, T1 và T2 về nhà T1 ở số đường X, Phường C, TP chơi. T1 và T2 nói chuyện trong phòng của T1 được khoảng 30 phút thì T1 hôn T2 và dùng tay sờ ngực T2 thì T2 đẩy T1 ra, T1 tiếp tục hôn, sờ ngực T2 và nói “cho anh làm một lần thôi”. Thấy T2 không phản ứng gì nên T1 cởi quần của T2 ra rồi dùng tay sờ vào âm hộ của T2. Sau đó T1 cởi quần của mình ra và thực hiện hành vi giao cấu với T2.

Sau lần giao cấu đầu tiên, từ ngày 09/9/2014 đến ngày 09/10/2014, T1 và T2 tiếp tục quan hệ tình dục với nhau nhiều lần. Khi mẹ của T2 phát hiện tố cáo thì ngày 20/10/2014, T1 bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố khởi tố, bắt giam. Tháng 02/2015, T2 đi khám thì phát hiện có thai được 04 tháng tuổi, đến ngày 06/6/2015 T2 sinh một bé gái tại bệnh viện Quận, được đặt tên là Bùi Hoàn Thảo V.

Tại kết luận giám định số: 1233/C54B ngày 17/4/2018 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ông Lê Quốc T1 (SN 1995, HKTT

³¹ Kết luận giám định số 1099/C54B ngày 17/7/2016 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ công an tại thành phố Hồ Chí Minh

tại 62/3 Xuân An, Phường 3, Đ) là cha ruột của bé gái con của Bùi Hoàn Thảo T2 (SN 20/02/2001, HKTT tại đường X, Phường C, TP) với xác suất là 99,99%.

Tại bản án số 89 ngày 18 tháng 7 năm 2018, căn cứ vào khoản 2 Điều 145, Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc T1 04 (Bốn) năm tù. Tòa án đã xem xét mức độ vi phạm, hành vi nguy hiểm, xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xem xét mức độ lỗi của các bên một cách đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Thực tiễn quyết định hình phạt tội dâm ô

Qua khảo sát các bản án đối với tội dâm ô trẻ em trên địa bàn Quận từ năm 2013 đến 2017 thì việc quyết định hình phạt được tòa xem xét đúng theo quy định, tuy nhiên cũng có vụ án chưa đánh giá đúng mức độ hành vi phạm tội dẫn đến quyết định hình phạt còn xem nhẹ không đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm về xâm hại tình dục trẻ em.

Ví dụ: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 28/11/2017, sau khi uống rượu về đến nhà tại phường LT, Quận TĐ, Bùi Minh A thấy cháu Nguyễn Lê Mỹ L (sinh ngày 24/8/2008) đang ngồi xem ti vi một mình trong nhà bà Lê Thị Huệ (bà ngoại cháu L) đối diện nhà A. Lúc này, A gọi cháu L ra ngoài để A hỏi chuyện. Khi cháu L đi ra, A kêu cháu L đi đến nơi góc khuất bên hông nhà bà Huệ, cháu L đi theo A.

Tại đây, A quan sát xung quanh thấy không có người nên A đứng sát vào người cháu L và dùng tay phải đưa vào bên trong quần sờ vào bộ phận sinh dục của cháu L để thỏa mãn nhu cầu sinh lý. Ngay lúc này, cháu L nghe tiếng bà Huệ gọi nên giật tay A ra và bỏ chạy vào trong nhà.

Sau đó, cháu L kể lại sự việc trên cho chị Lê Thị Kiều T (là mẹ ruột của L) biết sự việc và chị T đã làm đơn tố cáo hành vi của Bùi Minh A. Tại Cơ quan điều tra, Bùi Minh A đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 357/TD ngày 01/12/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế TP.HCM kết luận tình trạng của cháu Nguyễn Lê Mỹ L như sau: Không có dấu sây sát da hay bầm tím ở âm hộ và vùng bẹn đùi hai bên. Màng trinh còn nguyên vẹn, không có vết rách.

Tại bản án số 23 ngày 12 tháng 3 năm 2018 căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 146 Xử phạt Bùi Minh A 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong việc giải quyết các vụ án phạm tội xâm hại tình dục trẻ em.

Thực hiện nhiệm vụ thông tin tuyên truyền pháp luật, giáo dục luật trẻ em, bộ luật lao động... trong nhà trường, cộng đồng dân cư còn chưa thường xuyên, cán bộ chưa thường xuyên cập nhật thông tin, kỹ năng tuyên truyền chưa thu hút được người dân tham gia nghe, đối tượng bị xâm hại thì không hiểu biết về các quyền cơ bản của mình, còn có trường hợp che dấu, không báo cáo vụ việc lên cấp trên do lo ngại ảnh hưởng thành tích.

Thực tế cho thấy, khi các trường hợp xâm hại tình dục trẻ em xảy ra, phản ứng và hành động của gia đình, các cơ quan tư pháp, hành pháp, các tổ chức xã hội chưa được kịp thời và hiệu quả, dẫn tới thiếu các hoạt động can thiệp phù hợp. Sự chậm trễ này sẽ tạo nên hậu quả to lớn về tâm lý, sức khỏe cho gia đình nạn nhân cũng như ảnh hưởng lâu dài cho xã hội.

Các chuyên gia cho rằng, đối với những vụ việc xâm hại tình dục trẻ em, không cần nạn nhân tố cáo mà chính những người chứng kiến cũng có thể tố cáo vụ việc, khi đó, các cơ quan chức năng sẽ có trách nhiệm điều tra, làm sáng tỏ vụ việc một cách kịp thời. Chúng ta nên lựa chọn lên tiếng thay vì im lặng vì tội xâm hại tình dục trẻ em là một tội nghiêm trọng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với những đặc điểm riêng và chịu sự tác động từ đặc điểm chung của cả nước, bên cạnh những mặt tích cực vẫn còn tồn tại những mặt trái, mặt tiêu cực.

Tình hình tội phạm trên địa bàn quận ngày càng tăng về số vụ lượng việc và mức độ nghiêm trọng, sự manh động của các loại tội phạm len lỏi vào tận các nhà dân, lợi dụng sự lơ là, thiếu quan tâm của người lớn, ở nơi vắng người hoặc các trường hợp cần hỗ trợ về kinh tế gấp để thực hiện tội phạm. Gia đình nạn nhân vì nhiều lý do khác nhau, cũng có xu hướng giấu không trình báo hoặc trình báo muộn gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ.

Thực hiện đồng bộ công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của các cơ quan chức năng, công tác điều tra, truy tố, xét xử, định tội danh, áp dụng hình phạt để mang hiệu quả cao trong công tác đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.

Chương 3

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 SỬA ĐỔI BỔ SUNG NĂM 2017 VỀ CÁC TỘI XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM

3.1. Sự cần thiết hoàn thiện các quy định của pháp luật Hình sự

Ở địa bàn cả nước, trong những năm qua tình trạng trẻ em bị xâm hại ngày càng diễn biến phức tạp, gia tăng về mức độ, số lượng vụ việc, nhất là các vụ hiếp dâm, dâm ô trẻ em, bạo hành gia đình, bạo lực học đường...

Theo thống kê số liệu của Bộ Công an mỗi năm trên địa bàn cả nước xảy ra 3.000 vụ xâm hại tình dục trẻ em. Từ các con số trên cho thấy, tính mạng và sức khỏe của trẻ em đang bị xâm hại từng ngày. Và sự lỏng lẻo và những “khoảng trống” trong hệ thống pháp luật về bảo vệ trẻ em đã gây bất cập trong việc ngăn ngừa và giảm thiểu tình trạng bạo lực, xâm hại trẻ em. Hiện vẫn chưa có quy định cụ thể về bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng, nhận tố giác từ trẻ em; pháp luật cũng chưa đủ mạnh, chưa đủ răn đe những người có hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em; hoặc ngay cả khi có Luật phòng, chống bạo lực gia đình nhưng việc thực hiện chưa thực sự nghiêm túc.

Bộ luật Hình sự Việt Nam đã có nhiều quy định bảo vệ người chưa thành niên không bị bạo lực về thể chất cũng như tinh thần. Trong giai đoạn 2013-2017, các lực lượng chức năng đã đấu tranh ngăn chặn và làm giảm 93 vụ xâm hại trẻ em, giảm 112 vụ giết trẻ em và giảm 234 vụ hiếp dâm trẻ em. Năm 2017, Tòa án nhân dân các cấp xử lý gần 41.000 vụ ly hôn thì hơn 87% số vụ có liên quan đến con chưa thành niên, 57,37% vụ liên quan đến bạo lực gia đình và gần 40% vụ liên quan đến tranh chấp con cái. Một trong nguyên nhân gây nên tình trạng xâm hại trẻ em là việc thiếu quy định chặt chẽ trong luật, chế tài xử phạt tuy có nhưng không tương xứng với hành vi bạo lực cần xử lý.

3.2. Một số ý kiến hoàn thiện các quy định pháp luật Hình sự

Bộ luật hình sự sửa đổi 2017 tại điều 142 chỉ có tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” có mức hình phạt cao nhất là tử hình; theo điều 146 tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” là tội có mức hình phạt nhẹ nhất (mức thấp nhất là 6 tháng tù). Mức hình phạt đối với nhóm tội này, hình phạt như vậy là quá nhẹ, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong điều kiện hiện nay. Đó là chưa kể, khi kẻ thực hiện hành vi đồi bại bị đem ra truy tố, xét xử, mức án thường nhẹ hơn so với khung quy định của pháp luật.

Cần có hướng dẫn cụ thể mới về định nghĩa thuật ngữ “giao cấu” trong Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung, thay đổi nhận thức về định nghĩa thuật ngữ này có ý nghĩa trong việc xác định chủ thể rộng hơn của tội Hiếp dâm và Hiếp dâm người dưới 16 tuổi.

3.2.1. Bổ sung tội Tội xâm hại tình dục trẻ em qua mạng trong Bộ luật Hình sự.

Từ 2013 - 2017 các trẻ em bị xâm hại bởi các chiêu trò dụ dỗ qua mạng xã hội, Internet trong đó, 65% là xâm hại tình dục là thông tin được đưa ra tại chương trình tọa đàm chính sách về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng do Bộ Lao động thương binh và xã hội và UNICEF khu vực Đông Á – Thái Bình Dương chủ trì tổ chức tại Hà Nội. Cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (Bộ Công an) cho biết xâm phạm tình dục trẻ em nam đang có dấu hiệu gia tăng.

Các đối tượng thường nhắm đến các em học sinh tiểu học, trung học cơ sở. Thực tế cho thấy, đến 90% số vụ xâm hại tình dục trẻ em đều có nghi can là những người quen, thường xuyên gần gũi với cha mẹ các em, hàng xóm, thầy giáo, thậm chí là bố dượng...Người phạm tội thường sử dụng các chiêu trên mạng xã hội như tham gia các diễn đàn, các trang mạng xã hội facebook, zalo, twitter... chia sẻ phim ảnh đồi trụy trẻ em, tổ chức các buổi gặp mặt thành viên tại nhà riêng, quán internet, bể bơi,... để lợi dụng và có hành vi xâm hại tình dục, dâm ô với trẻ em.

Mặt khác, các đối tượng xâm hại trẻ em không chỉ ở trong nước mà có cả người nước ngoài. Thực hiện các hành vi dụ dỗ trẻ em gặp mặt trực tiếp để xâm hại tình dục: đây là tình huống rất dễ bắt gặp trong thực tế và thường là mục đích cuối cùng của kẻ xâm hại tình dục qua mạng hoặc gặp trẻ em với mục đích dâm ô; có chủ ý khiêu dâm với trẻ; chủ ý dụ dỗ trẻ em đồng thuận thực hiện hành vi tình dục; chứa chấp, sử dụng các hình ảnh khiêu dâm trẻ em.

Vì vậy, cần thiết bổ sung tội Tội xâm hại tình dục trẻ em qua mạng trong Bộ luật Hình sự thuộc nhóm tội xâm hại tình dục trẻ em, Những người phạm tội liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em phải bị cấm vĩnh viễn việc hành nghề liên quan đến trẻ em, không được tiếp cận trẻ em, phải theo dõi và công khai tên tuổi, danh tính trên trang thông tin quốc gia, trong cộng đồng dân cư nơi cư trú. Trường hợp tái phạm hoặc vi phạm các quy định về khoảng cách an toàn với trẻ em sẽ bị cách ly trở lại hoặc bị thiến hóa học (như một số quốc gia đã cho thực hiện).

Để thu thập bổ sung chứng cứ cần tham khảo cách thu thập chứng cứ của nước ngoài, thậm chí là dùng cách bẫy người thực hiện hành vi để bắt quả tang. Tuy nhiên, việc “gài bẫy” để bắt kẻ phạm tội sẽ được xem là chứng cứ buộc tội chắc chắn nhất đối với tội phạm xâm hại tình dục trẻ em đến nay vẫn chưa được đồng ý đưa vào luật.

3.2.2. Xác định tuổi nạn nhân

Tại các quận, huyện vùng ven thành phố, là nơi có số lượng dân nhập cư sinh sống nhiều, các cụm dân cư xóm nghề chài lưới cá ven sông thì việc học hành, chăm sóc y tế còn nhiều khó khăn, do đó việc làm giấy khai sinh, hộ khẩu, chứng minh thư, thẻ căn cước không kịp thời, không đầy đủ, cho nên vẫn có nhiều trường hợp đến nay vẫn chưa có giấy khai sinh hoặc làm giấy khai sinh sau khi sinh 2 đến 5 năm (thậm chí nhiều hơn) nên ngày tháng năm sinh trong giấy khai sinh không chính xác, có trường hợp người bị hại không biết ngày tháng năm sinh của mình nên các cơ quan tiến hành tố tụng đến hỏi bố mẹ của bị hại hoặc hàng xóm tuy nhiên do cuộc sống mưu sinh làm lụng vất vả nên

bố mẹ, người thân, hàng xóm của bị hại cũng không nhớ chính xác; vậy các cơ quan tiến hành tố tụng không thể đoán chừng ngày, tháng, năm sinh của trẻ bị xâm hại theo những lời khai trên được mà phải tuân thủ một nguyên tắc thống nhất về vấn đề này.

Việc xác định tuổi của bị hại không có căn cứ pháp lý hoàn chỉnh dẫn đến việc định tội danh cho người phạm tội không thể chính xác, trong khi đó quy trình xử lý các tội phạm hiện nay đều được quy định về thời gian, thời hạn giải quyết, do lo ngại kháng cáo, kháng nghị xử lại theo trình tự sơ thẩm, phúc thẩm sẽ dẫn đến án kéo dài, đơn vị, cá nhân phụ trách mất thành tích thi đua nên việc xem xét đề nghị giảm án, xử dưới quy định của khung hình phạt được các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng để nhanh chóng kết thúc vụ án.

3.3.3. Về việc điều chỉnh thủ tục xử lý về tội phạm xâm hại trẻ em

Cần phải thay đổi quy trình thụ lý về các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, trong đó khi các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm xâm hại tình dục trẻ em cần thực hiện nhanh chóng các bước bởi loại tội này mang tính đặc thù nên cần phải có một quy trình, cách xử lý riêng.

Theo đó, cần thành lập cơ quan đặc biệt phản ứng nhanh chuyên phòng, chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em địa phương cấp quận, huyện thường trực với nhân sự là tập hợp các đội ngũ bác sỹ tâm lý, bác sỹ chuyên khoa phụ sản, pháp y, nữ cảnh sát, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư đã được đào tạo chuyên sâu về chống xâm hại tình dục trẻ em. Có tình yêu thương, tận tụy, tận tâm góp sức bảo vệ trẻ em.

Khi có tin báo tội phạm, bộ phận này sẽ thực hiện đồng loạt các nội dung như báo cáo cấp trên về thực hiện nhiệm vụ, trực tiếp tham gia hoặc cử người tiếp nhận, xử lý, xác minh các thông tin thu thập ban đầu, tổ chức các phương tiện thực hiện thăm khám ngay tại hiện trường vụ việc, lập tổ giám định pháp y, thu thập các dấu vết, dấu vân tay, vật chứng và kết luận có hay không dấu hiệu xâm hại tình dục trẻ em. Yêu cầu xem xét kết quả giải quyết của bộ

phận này là căn cứ để các cơ quan tiến hành tố tụng nghiên cứu đề nghị khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong vụ án về tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.

Bên cạnh đó, những khó khăn hiện nay đối với tội phạm xâm hại tình dục trẻ em là dù cho người bị hại khai, mô tả sự việc bị xâm hại nhưng do đối tượng tình nghi không thừa nhận hành vi phạm tội, viện dẫn các tình huống ngoại phạm như sinh sống một mình, nơi cư trú xa khu dân cư không có ai làm chứng, việc tiếp nhận các trường hợp về các tội phạm xâm hại tình dục của trẻ em ở vùng sâu vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc ít người, cán bộ nhận thức việc xử lý như các vụ án ít nghiêm trọng nên việc chủ động trong công tác điều tra bị chậm lại, việc kéo dài thời gian dẫn đến thu thập chứng cứ để chứng minh cho lời khai của nạn nhân là điều hết sức khó khăn là do đối tượng chủ động xóa dấu vết hay do thời tiết mưa, nắng, dấu vết thu thập được ít, không đủ căn cứ chứng minh tội phạm để khởi tố người phạm tội.

Đặc biệt, đối với trẻ em bị xâm hại tình dục thì việc bắt buộc trẻ khai đúng 100% trong mọi hoàn cảnh là rất khó khăn, bởi hầu hết trẻ em khi bị xâm hại thì cơ thể bị chấn thương đau đớn, tổn hại sức khỏe, tâm lý bị khủng hoảng nghiêm trọng nên ảnh hưởng rất lớn tới nhận thức cụ thể về thời gian, địa điểm, trang phục đối tượng, hành vi phạm tội xảy ra và các sự kiện có liên quan.

Việc lấy lời khai của trẻ em bị xâm hại tình dục hiện nay được thực hiện đa số là các cán bộ công an nam giới, tỷ lệ nữ giới tham gia lấy lời khai trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em chiếm tỷ lệ ít, việc này cũng làm cho trẻ khó khăn trong việc trình bày hơn, nếu không khéo léo trong kỹ năng gợi mở vấn đề thì càng làm cho trẻ hoảng loạn.

Do đó, tác giả thiết nghĩ việc tiến hành lấy lời khai của nạn nhân trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em đòi hỏi phải là người có kiến thức, kỹ năng, hiểu được tâm lý của trẻ, được đào tạo qua các lớp giao tiếp nắm bắt tâm lý giáo dục trẻ em, có như vậy, việc lấy lời khai, điều tra thu thập chứng cứ, xét minh làm rõ vụ việc mới thực hiện được nhanh chóng, kịp thời.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương 3 tác giả đã nêu ra các sự cần thiết hoàn thiện pháp luật về các tội xâm phạm tình dục trẻ em, từ đó đưa ra các đề xuất hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các giải pháp này sẽ góp phần khắc phục được những hạn chế và nâng cao được hiệu quả hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt, tăng tính răn đe, góp phần hạn chế tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, tăng cường hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội xâm hại tình dục trẻ em.

KẾT LUẬN

Luận văn về phòng chống các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tác giả đã xem xét thống kê, nghiên cứu một cách tổng thể các nội dung cơ bản về lý luận và thực tiễn định tội danh và áp dụng pháp luật trên địa bàn Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, nhằm làm rõ một số yêu cầu, nội dung mà các tác giả khác còn nhiều ý kiến chưa đồng nhất.

Luận văn đề ra các giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác phòng chống các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em trên địa bàn quận góp phần bảo vệ môi trường sống lành mạnh cho trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em phát triển tốt nhất, trong những năm qua, Quận Thủ Đức cửa ngõ phía đông đi vào trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, địa bàn tập trung phát triển mạnh các khu công nghiệp cùng với hình thành các cụm dân cư mới, nơi thể hiện đầy đủ các đặc tính của đô thị mới phát triển song hành cùng sự phát triển thì công tác quản lý xã hội, quản lý địa bàn, quản lý con người cũng còn nhiều thiếu sót trong công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, đặc biệt là các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.

Qua phân tích thực tế, có thể thấy một thực trạng công tác định tội danh, áp dụng các quy định của pháp luật hình sự, công tác chuyên môn xét xử, nghiệp vụ điều tra phá án nhanh, xử lý tội phạm, trong đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em cũng còn nhiều vấn đề phải xem xét dưới góc độ lý luận và thực tiễn.

Mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều sáng kiến cải tiến song nhìn chung để thực sự đáp ứng các yêu cầu phòng chống xâm hại tình dục trẻ em cần thiết đề ra một lộ trình hoàn chỉnh để đáp ứng được mong muốn của người dân hiện nay. Trong đó, cần thiết đề xuất các nghiên cứu chuyên sâu, đầy đủ hơn của các chuyên gia về pháp luật hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng

tham mưu kiến nghị các đại biểu quốc hội có ý kiến đề xuất bổ sung các quy định pháp luật để tạo sự thống nhất trong xử lý tội phạm này.

Ở góc độ lý luận khoa học pháp lý còn có nhiều quan điểm khác nhau về đề tài tác giả nghiên cứu. Tác giả mong muốn nhận được sự đóng góp ý kiến và chia sẻ để công trình nghiên cứu của tác giả được hoàn thiện hơn.